TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 440/2019/DS-PT
Ngày: 21 - 11 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Tr – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/11/2019 và 21/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 191/2019/TLPT-DS ngày 20/3/2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83A/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *NgU đơn*:

1. Đặng Thị C, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện T, Đồng Tháp.

2. Đặng Thị Nh, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Đặng Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp Tân TH, xã Tân Long, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà Nh là: bà Đặng Thị T, sinh năm: 1963.

- *Bị đơn*: Đặng Văn S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S là: Luật sư Trần Văn Sáu – Văn phòng Luật sư Trần Văn Sáu, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Nghĩa H, sinh năm 1936;

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện T, Đồng Tháp.

3. Phạm Văn L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp Tân TH, xã Tân Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và anh T1, anh L là: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1963.

4. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947 (Xin vắng mặt);

5. Nguyễn Huy H, sinh năm 2001 (Xin vắng mặt);

6. Đặng Thị Đ1 (D), sinh năm 1964 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Phạm Văn Nh, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt);

8. Phạm Thị C1 (Ch), sinh năm 1983 (Xin vắng mặt);

9. Nguyễn Chí T2, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân TH, xã Tân Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10. Đặng Thị Kháng, sinh năm 1955 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

11. Đặng H Phố, sinh năm 1966;

12. Đặng H T1, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Đặng H Phố, Đặng H T1 là: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1963.

13. Lê Thị Ph, sinh năm 1963;

14. Đặng Thị Thúy U, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ph và chị U là: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1962.

15. Võ Văn Đ3 (Trung), sinh năm 1972;

16. Võ T1 Nh1, sinh năm 1976;

17. Đặng Văn B, sinh năm 1950;

18. Nguyễn Thị H, sinh năm 1957;

19. Đặng Văn Nh2, sinh năm 1980;

20. Đặng Thị H, sinh năm 1985;

21. Đặng Thị Tr, sinh năm 1980;

22. Đặng Văn H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

23. Nguyễn Xuân D2, sinh năm 1968;

24. Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1971;

25. Nguyễn Thị Xuân Ph3, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(*Anh Đ3, anh Nh1, ông B, bà H, anh Nh2, chị H, chị Tr, anh H, chị D2, chị Ph và chị Ph3 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người kháng nghị*: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Nh và bà Đặng Thị T là ngU đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- NgU đơn bà Đặng Thị T, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Nh, ông Nguyễn Nghĩa H, anh Nguyễn Văn T1, anh Phạm Văn L, ông Đặng H Phố và anh Đặng H T1 trình bày:

Cha của các bà là cụ Đặng Văn Khen (Đặng Phước Trung), chết năm 1995 và mẹ là cụ Lê Thị Cơ, chết năm 2005. Cha mẹ có tổng cộng là 08 người con gồm: Đặng Thị C, Đặng Văn B, Đặng Thị Kháng, Đặng Thị T, Đặng Thị Đ1, Đặng Thị Ren (Chết năm 2012) và Đặng Văn S. Lúc sinh thời, cha mẹ có chia cho các anh em bà mỗi người một phần đất Đ canh tác. Trong đó, bà C 2,5 công đất ruộng tương đương 2.592m^2, bà T 2 công đất ruộng tương đương 2.592m^2 và 03 công mua của bà Ren tương đương 3.888m^2 (Tổng cộng 6.480m^2) và bà Nh 02 công đất ruộng tương đương 2.592m^2. Đến năm 2001 ông Đặng Văn S mới giao cho các chị em bà gồm T, C, Nh canh tác đến nay. Việc cha mẹ cho đất không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Vì vậy, các bà yêu cầu hộ ông S phải chuyển quyền sử dụng đất cho các bà T, C, Nh đứng tên cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Thị C đứng tên diện tích 720m^2 (Đo đạc thực tế 702,5m^2) thuộc thửa 1559, tờ bản đồ số 3 và diện tích 2.130m^2 (Đo đạc thực tế 2.258,5m^2) thuộc thửa 1573, tờ bản đồ số 3, QSD đất cấp ngày 16/6/2006 đứng tên Đặng Văn S, tại ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Bà Đặng Thị Nh đứng tên diện tích 2.592m^2 đất thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 QSD đất cấp ngày 15/11/1997, tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Bà Đặng Thị T đứng tên diện tích 6.480m^2 đất thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 QSD đất cấp ngày 15/11/1997, tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T. Trong đó, bà T được cha mẹ tặng cho 02 công tầm cắt tương đương 2.592m^2 và sang nhượng lại của em ruột bà Đặng Thị Ren 03 công tầm cắt tương đương 3.888m^2, tổng cộng 6.480m^2, đo đạc thực tế là 7.402,4m^2 (Bà Đặng Thị Ren đã chết vào năm 2012).

- Bị đơn ông Đặng Văn S, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ph và chị Đặng Thị Thúy U trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ ông tên là cụ Đặng Văn Khen (Đặng Phước Trung) và cụ Lê Thị Cơ chết để lại. Vào năm 1987 Nhà nước thu hồi đất do thừa định suất và bị cắt xâm canh để cấp lại cho các hộ dân khác (gọi là hộ B) sản xuất theo chủ trương thực hiện chính sách đất đai lúc bấy giờ. Sau đó, đến năm 1990 - 1991 Nhà nước có chủ trương cho chủ đất cũ thỏa thuận trả thành quả lao động lại cho hộ B để chuộc đất lại ổn định sản xuất. Ông đã trực tiếp thỏa thuận trả thành quả cho các hộ B Đ chuộc lại đất gồm: Thửa 1199 diện tích 11.025m^2 và thửa 1568 diện tích 702,5m^2. Phần đất này trả thành quả cho ông Lê Văn Bên, ông Nguyễn Văn Xạ, ông Nguyễn Văn Trứ và ông Đinh Văn Leo. Riêng thửa 1559 diện tích 720m^2 và thửa 1560 diện tích 1.501m^2 ông được Nhà nước cấp theo chính sách đất đai bình quân nhân khẩu. Đến năm 1994 Nhà nước có chủ trương cho nông dân đăng ký quyền sử dụng đất nên ông đi đăng ký. Đến ngày 15/11/1997 và 16/6/2006 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Việc các chị em của ông được canh tác trên đất là do ông cho mượn khi còn thuận thảo vào năm 2010. Do thời Đ1 trước đây ông làm nghề mua bán lúa, gạo thường xU sống dưới ghe, di chuyển đi nhiều nơi nên không tiện việc canh tác đất.

Vì vậy, ông không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho bà T, bà C và bà Nh đứng tên theo yêu cầu của các bà. Ông yêu cầu hộ bà T, hộ bà C và hộ bà Nh giao trả lại toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp nêu trên cho ông cụ thể như sau:

1. Hộ bà Đặng Thị C giao trả lại diện tích 702,5m^2, thuộc thửa 1559, tờ bản đồ số 3 và diện tích 2.258,5m^2, thuộc thửa 1573, tờ bản đồ số 3, QSD đất cấp ngày 16/6/2006, tại ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Hộ bà Đặng Thị Nh giao trả lại diện tích 2.592m^2, thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 QSD đất cấp ngày 15/11/1997, tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Hộ bà Đặng Thị T giao trả lại diện tích 7.402,4m^2, thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 QSD đất cấp ngày 15/11/1997, tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông bà Đặng Văn B, Đặng Thị Kháng, Đặng Thị Đ1, Phạm Văn Nh, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Huy H, Võ Văn Đ3, Võ T1 Nh1 đều trình bày:

Các ông bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà C, hộ bà Nh, hộ bà T và hộ ông S. Khi nào có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tđã xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Đặng Thị C; hộ bà Đặng Thị Nh; hộ bà Đặng Thị T về việc yêu cầu hộ ông Đặng Văn S chuyển quyền sử dụng đất cho hộ bà T, hộ bà C, hộ bà Nh đứng tên theo quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của hộ ông Đặng Văn S, buộc hộ bà Đặng Thị T; hộ bà Đặng Thị C; hộ bà Đặng Thị Nh có trách nhiệm giao trả cho hộ ông Đặng Văn S phần đất có diện tích tứ cận như sau:

A. Buộc hộ bà Đặng Thị C giao trả phần đất diện tích như sau:

+ Thửa 1559, tờ bản đồ số 03, diện tích 720m^2 (đo đạc thực tế 702,5m^2) mục đích sử dụng trồng cây hàng năm khác; QSD đất cấp ngày 16/6/2006 tên ông Đặng Văn S, bà Lê Thị Ph - tại ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp xác định tứ cận như sau:

- Hướng Đ3ng giáp ông Thức: 46,05m (mốc 1 - mốc 2);

- Hướng Tây giáp ông Trí: 43,90m (mốc 3 - mốc 4);

- Hướng Nam giáp ông S: 15,90m (mốc 1 - mốc 4);

- Hướng Bắc giáp ông Quân: 15,44m (mốc 2 - mốc 3);

+ Thửa 1573, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.130m^2 (đo đạc thực tế 2.258,5m^2) mục đích sử dụng trồng cây hàng năm khác; QSD đất cấp ngày 16/6/2006 tên ông Đặng Văn S, bà Lê Thị Ph - tại ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Chia làm 02 Ô) xác định tứ cận như sau:

* Ô số 1:

- Hướng Đ3ng giáp ông Thức: 64,06m (mốc 2 - mốc 3);

- Hướng Tây giáp ông Thuấn: 61,84m (mốc 1 - mốc 4);

- Hướng Nam giáp Mương: 16,28m (mốc 3 - mốc 4);

- Hướng Bắc giáp ông S: 16,42m (mốc 1 - mốc 2);

Diện tích: 1.025,5m^2.

* Ô số 2:

- Hướng Đ3ng giáp ông Tuấn: 76,12m (mốc 6 - mốc 7);

- Hướng Tây giáp ông Thuấn: 75,84m (mốc 5 - mốc 8);

- Hướng Nam giáp Lộ Dal: 16,04m (mốc 7 - mốc 8);

- Hướng Bắc giáp Mương: 16,30m (mốc 5 - mốc 6);

Diện tích: 1.233m^2.

(Kèm theo Sơ đồ thẩm định, tại chỗ phần đất tranh chấp giữa bà Đặng Thị C và ông Đặng Văn S ngày 13/4/2018).

B. Buộc hộ bà Đặng Thị Nh giao trả phần đất diện tích 2.592m^2 (đo đạc thực tế 2.822,9m^2) mục đích sử dụng lúa; đất thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 quyền sử dụng đất cấp ngày 15/11/1997 - tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tứ cận như sau:

- Hướng Đ3ng giáp một phần thửa 1199: 21,74m (từ mốc 4 đến mốc 5) và một phần giáp đất ông Bảo 63,76m (từ mốc 2 đến mốc 3);

- Hướng Tây một phần giáp Ô thứ nhất 65,89m (từ mốc 1 đến mốc 8); một phần giáp đường nước 6,02m (từ mốc 7 đến mốc 8) và một phần giáp phần thửa còn lại của thửa 1199 là 18,99m (từ mốc 6 đến mốc 7);

- Hướng Nam giáp anh Võ Văn Phước: 32,46m (từ mốc 1 đến mốc 2);

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 1199: 28,40m (từ mốc 5 đến mốc 6);

Diện tích: 2.822,9m^2.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T).

C. Buộc hộ bà Đặng Thị T giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 7.402,4m^2 (mục đích sử dụng lúa); đất thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 02 quyền sử dụng đất cấp ngày 15/11/1997 - tại ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tứ cận như sau:

- Hướng Đ3ng giáp Ô thứ 2: 65,89m (từ mốc 1 đến mốc 8);

- Hướng Tây giáp đường nước: 85,36m (từ mốc 14 đến mốc 18);

- Hướng Nam giáp ông Võ Văn Phước: 90,22m (từ mốc 1 đến mốc 18);

- Hướng Bắc giáp đường nước: 125,81m (từ mốc 8 đến mốc 14);

Diện tích: 7.402,4m^2.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện T).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 04/01/2019, 07/01/2019 các bà Đặng Thị T, Đặng Thị C và Đặng Thị Nh làm đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc hộ ông S phải chuyển quyền sử dụng đất cho các bà đứng tên gồm:

Bà C 702,5m^2 thuộc thửa 1559, tờ bản đồ số 3 và 2.258,5m^2 thuộc thửa 1573, tờ bản đồ số 3, đất tại xã Tân Huề, huyện T.

Bà Nh 2.592m^2 thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 2, Đất tại xã Tân Bình Hạ, huyện T.

Bà T 7.402,4m^2 thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 2, Đất tại xã Tân Bình Hạ, huyện T.

+ Ngày 24/01/2019, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 07/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của các NgU đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các NgU đơn vẫn giữ ngU yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn phát biểu ý kiến là do ông S đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp tại Ngân hàng nên phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án. Nếu Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và có thể khắc phục được thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các NgU đơn, giữ ngU bản án sơ thẩm. Nếu không khắc phục được thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Do tài sản tranh chấp đang thế chấp tại Ngân hàng nên việc xem xét giải quyết nội dung vụ án sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người thừ ba và bản án không thi hành được. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bà T, bà C, bà Nh trình bày phần đất tranh chấp là của cha mẹ các bà là cụ Khen, cụ Cơ tặng cho các bà. Nhưng đến năm 2001 ông Đặng Văn S mới giao đất cho các bà canh tác. Vì vậy, yêu cầu hộ ông S phải chuyển quyền sử dụng đất cho các bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2] Việc cụ Khen, cụ Cơ tặng cho quyền sử dụng đất mặc dù không làm giấy tờ nhưng các đương sự đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ để lại. Căn cứ vào "Tờ thừa hưởng" ngày 21/9/2006 có chữ ký của ông S, Biên bản tiếp xúc ngày 08/12/2014 của UBND xã Tân Huề, lời khai của ông

Đặng Văn B (BL 269), bà Đặng Thị Kháng (BL 270) và bà Đặng Thị Đ1 (BL 271) đều thể hiện việc cha mẹ các Nguyên đơn có cho đất các con.

[3] Ông S cho rằng nguồn gốc đất tuy là của cụ Khen, cụ Cơ để lại nhưng phần đất này đã được UBND xã Tân Huề, huyện Tthực hiện theo chính sách đất đai thu hồi để cấp khoán lại cho các hộ B sản xuất theo chủ trương bình quân nhân khẩu và cắt xâm canh vào năm 1987. Đến năm 1990 - 1991 Nhà nước có chủ trương cho chủ đất cũ thỏa thuận trả thành quả cho hộ B Đ chuộc lại đất ổn định sản xuất. Do đó, ông đã xuất tiền, vàng đứng ra chuộc lại phần đất đang tranh chấp từ các hộ B và được cấp khoán. Sau đó, ông đi đăng ký và được UBND huyện Tcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 và năm 2006. Quá trình ông kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đứng tên thì các anh, chị em trong gia đình không có ai tranh chấp. Do thời Đ1 trước đây ông làm nghề mua bán lúa, gạo thường xU sống dưới ghe, di chuyển đi nhiều nơi không tiện việc canh tác đất. Nên cho các ngU đơn mượn canh tác vào năm 2010 khi còn thuận thảo. Vì vậy, ông không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho các NgU đơn đứng tên, mà ông yêu cầu các NgU đơn phải trả lại đất cho ông.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án ông S đã thế chấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có đất tranh chấp Đ vay tiền tại nhiều ngân hàng và hiện nay là Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam theo hợp đồng ngày 11/9/2019. Trong khi đó, các NgU đơn kháng cáo yêu cầu ông S phải chuyển quyền sử dụng đất cho mình đứng tên. Đ đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần thiết phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện được. Do đó, phải hủy bản án sơ thẩm Đ chuyển vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Việc hủy bản án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới tại Tòa án cấp phúc thẩm không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét ý kiến của vị luật sư và vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm Đ đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của các NgU đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

TU xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị Nh mỗi người được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004548 ngày 07/01/2019, số 0004553 và số 0004552 cùng ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có) sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt